

Số: /TB-STNMT

Đắk Nông, ngàytháng 5 năm 2024

THÔNG BÁO
Xét duyệt quyết toán ngân sách năm 2023
Đơn vị được thông báo: Văn phòng Sở
Mã chương: 426

Căn cứ Thông tư số 137/2017/TT-BTC ngày 25/12/2017 của Bộ Tài chính quy định xét duyệt, thẩm định, thông báo và tổng hợp quyết toán năm;

Căn cứ báo cáo tài chính; báo cáo quyết toán năm 2023 của Đơn vị dự toán: Văn phòng Sở;

Sở Tài nguyên và Môi trường thông báo xét duyệt quyết toán ngân sách năm 2023 (không bao gồm quyết toán vốn đầu tư xây dựng cơ bản) của Văn phòng Sở như sau:

I. Phần số liệu:

1. Số liệu quyết toán:

a) Thu phí, lệ phí

- Tổng số thu trong năm: 922.080.184 đồng
 - Số phải nộp ngân sách nhà nước: 922.080.184 đồng
 - Số phí được khấu trừ, để lại: 0 đồng
- (Số liệu chi tiết theo Mẫu biểu 2a kèm theo).

b) Quyết toán chi ngân sách:

- Số dư kinh phí năm trước chuyển sang: 52.774.905.879 đồng
 - Dự toán được giao trong năm 39.401.216.000 đồng, trong đó:
 - + Dự toán giao đầu năm: 12.179.000.000 đồng;
 - + Dự toán bổ sung trong năm: 27.222.216.000 đồng;
 - Kinh phí thực nhận trong năm: 82.133.824.973 đồng;
 - Kinh phí quyết toán: 82.133.824.973 đồng;
 - Kinh phí giảm trong năm: 7.682.408.876 đồng
 - Số dư kinh phí được chuyển sang năm sau sử dụng và quyết toán: 2.359.888.030 đồng, bao gồm:
 - + Kinh phí đã nhận: 0 đồng;
 - + Dự toán còn dư ở Kho bạc: 2.359.888.030 đồng;
- (Số liệu chi tiết theo Mẫu biểu 2c kèm theo).

2. Tình hình thực hiện kiến nghị của kiểm toán, thanh tra, cơ quan tài chính

- Tổng số kinh phí phải nộp NSNN: 124.381.000 đồng
- Tổng số kinh phí đã nộp NSNN: 124.381.000 đồng
- Tổng số kinh phí còn phải nộp NSNN: 0 đồng

3. Thuyết minh số liệu quyết toán:

- Số dư kinh phí năm trước chuyển sang 52.774.905.879 đồng, bao gồm: (1) 50 tỷ đồng NSTW hỗ trợ thực hiện dự án: “Lập hồ sơ ranh giới sử dụng đất; đo đạc, lập bản đồ địa chính và cấp giấy chứng nhận đối với đất có nguồn gốc từ các nông, lâm trường quốc doanh hiện do các công ty nông nghiệp, công ty lâm nghiệp không thuộc diện sắp xếp theo Nghị định số 118/2014/NĐ-CP, Ban quản lý rừng và các tổ chức khác, hộ gia đình, cá nhân sử dụng trên địa bàn tỉnh Đắk Nông; (2) 217.411.879 đồng kinh phí thường xuyên giao tự chủ tiết kiệm được năm 2022 chuyển sang 2023 để tiếp tục thực hiện; (3) 100 tỷ Kinh phí tổ chức lớp đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ định giá đất; 900 tỷ thực hiện dự án khoanh định, công bố vùng phải đăng ký khai thác nước dưới đất và công bố vùng cấm, vùng hạn chế khai thác nước dưới đất, ngưỡng khai thác nước dưới đất trên địa bàn tỉnh Đắk Nông; (4) 1,5 tỷ đồng dự án: Xây dựng thí điểm lắp đặt thiết bị và phần mềm giám sát tại các bãi tập kết của các mỏ cát xây dựng trên sông Krông Nô (phần còn thiếu so với dự toán được duyệt).

- Dự toán được giao trong năm (gồm giao đầu năm và điều chỉnh, bổ sung trong năm) 39.401.216.000 đồng, giảm so với Quyết định giao dự toán giao đầu năm của UBND tỉnh (do: Kinh phí dự án tổng thể Đo đạc, lập bản đồ địa chính, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, xây dựng cơ sở dữ liệu quản lý đất đai chỉ được Sở Tài chính phân bổ và nhập Tabmis được 9,748 tỷ đồng/55,89 tỷ đồng, đạt 17,4 % so với Quyết định giao dự toán đầu năm của UBND tỉnh).

- Kinh phí thực nhận và chi quyết toán trong năm 82.133.824.973 đồng.

- Kinh phí giảm trong năm 7.682.408.876 đồng, bao gồm: (1) Kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường hủy dự toán 506.720.300 đồng; (2) Kinh phí sự nghiệp kinh tế hủy dự toán 2.525.599.728 đồng (trong đó: Kinh phí Lập Kế hoạch sử dụng đất 5 năm cấp tỉnh giai đoạn 2021-2025 hủy 410.000.000 đồng; Kinh phí định giá đất cụ thể hủy 319.009.000 đồng; kinh phí lập hồ sơ ranh giới sử dụng đất; đo đạc, lập bản đồ địa chính và cấp giấy chứng nhận đối với đất có nguồn gốc từ các nông, lâm trường quốc doanh hiện do các công ty nông nghiệp, công ty lâm nghiệp không thuộc diện sắp xếp theo Nghị định số 118/2014/NĐ-CP, Ban quản lý rừng và các tổ chức khác, hộ gia đình, cá nhân sử dụng trên địa bàn tỉnh Đắk Nông hủy 1.484.450.465 đồng); (3) Kinh phí Chi hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể hủy dự toán 4.743.325.578 đồng (trong đó: Kinh phí xây dựng cơ sở dữ liệu,

phần mềm hệ thống thông tin khoáng sản và tài nguyên nước hủy 2.838.430.000 đồng; Kinh phí xây dựng, hoàn thiện hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu về môi trường hủy 1.843.430.000 đồng); (4) Kinh phí Chi sự nghiệp đào tạo khác hủy dự toán 1,79 trđ.

- Kinh phí được phép chuyển sang năm sau sử dụng và quyết toán 2.359.888.030 đồng, bao gồm: (1) Kinh phí Chi hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể thực hiện chế độ tự chủ tiết kiệm được 132.441.518 đồng chuyển sang 2024 tiếp tục sử dụng; (2) Kinh phí Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới được UBND tỉnh giao sau 30/9 không kịp thực hiện và giải ngân số tiền 718.446.512 đồng được chuyển nguồn sang 2024 để tiếp tục quản lý, sử dụng; (3) Kinh phí Chi sự nghiệp kinh tế chuyển nguồn sang 2024 để tiếp tục sử dụng 1,509 tỷ đồng (dự án: Xây dựng thí điểm lắp đặt thiết bị và phần mềm giám sát tại các bãi tập kết của các mỏ cát xây dựng trên sông Krông Nô được bổ sung dự toán 1,509 tỷ đồng sau 30/9 được chuyển nguồn sang năm sau tiếp tục sử dụng).

Về cơ bản, đơn vị thực hiện các nhiệm vụ chi theo đúng dự toán chi tiết theo từng nội dung chi được cấp thẩm quyền giao. Số dư dự toán cuối năm không sử dụng hết của từng nhiệm vụ chi được đối chiếu số liệu với KBNN để hủy dự toán hoặc đề nghị chuyển nguồn sang năm sau để tiếp tục sử dụng theo quy định.

II. Nội dung đối chiếu số liệu kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ⁴:

- Kết quả chênh lệch thu lớn hơn chi trong năm: -1.635.940 đồng (Thặng dư/thâm hụt Hoạt động tài chính), trong đó:

- Sử dụng kinh phí tiết kiệm của cơ quan hành chính: 0 đồng
 - Trích lập các Quỹ: 0 đồng
 - Kinh phí cải cách tiền lương: 0 đồng
- (Số liệu chi tiết theo Mẫu biểu 2b kèm theo).

III. Nhận xét và kiến nghị:

1. Nhận xét:

- Về chấp hành thời hạn nộp báo cáo quyết toán: Đơn vị lập báo cáo tài chính, báo cáo quyết toán đúng thời hạn quy định.

- Về các mẫu biểu báo cáo quyết toán: Đơn vị thực hiện đầy đủ các mẫu biểu quy định tại Thông tư số 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ Tài chính.

- Về thực hiện xét duyệt quyết toán năm đối với đơn vị dự toán cấp dưới, đơn vị trực thuộc (đối với đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán cấp I): đơn vị đã kiểm tra, đối chiếu chứng từ, sổ sách, số liệu quyết toán khớp đúng với đối chiếu tại Kho bạc.

- Việc chấp hành các quy định của Nhà nước về lập, phân bổ, giao dự toán; mua sắm, sửa chữa tài sản; quản lý và sử dụng tài sản; chế độ thu, nộp NSNN; chế độ chi tiêu; hạch toán thu, chi, mục lục NSNN:

Đơn vị cơ bản chấp hành các quy định về lập, phân bổ, giao dự toán; mua sắm, sửa chữa tài sản, mở sổ sách kế toán đầy đủ theo quy định tại Thông tư số 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ Tài chính và hạch toán thu, chi theo mục lục ngân sách nhà nước; đã thực hiện kê khai, trích nộp vào NSNN các loại thuế, phí và lệ phí theo quy định.

- Việc hạch toán kế toán: Đơn vị đã hạch toán các khoản thu, chi theo chế độ kế toán NSNN hiện hành và Mục lục Ngân sách nhà nước.

- Tính hợp pháp của các khoản chi: đơn vị bám sát dự toán chi NSNN được cấp có thẩm quyền giao về tổng số và chi tiết theo từng nhiệm vụ chi; cơ bản chi đúng chế độ, tiêu chuẩn, định mức, quy định hiện hành của nhà nước và quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị.

- Về chứng từ kế toán: cơ bản đầy đủ, hợp pháp, hợp lệ và được lưu giữ đầy đủ theo quy định.

Nơi nhận:

- Lãnh đạo Sở;
- Sở Tài chính;
- Các phòng, đơn vị thuộc Sở (t/h);
- VP ĐKĐĐ tỉnh (công khai trang TTĐT);
- Lưu: VT, KH-TC.

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Hiệp